TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/DS-PT
Ngày 03 – 4 – 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Út B, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961.

2. Ông Nguyễn Út N, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Huỳnh L, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Hương Lộ 3, phường B, quận B, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1992.

2. Anh Trang Văn T, sinh năm 1988.

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993.

4. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Huỳnh L, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Hương Lộ 3, phường B, quận B, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 24/11/2023, có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Út N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Út B trình bày: Tại bản án sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện U Minh và Bản án phúc thẩm số: 14/2019/DS-PT ngày 16/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân chia di sản thừa kế của mẹ ông là cụ Trần Thị Nhen, di chúc lập ngày 20/3/2009. Nội dung Bản án sơ thẩm và phúc thẩm buộc ông có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn S phần đất ngang 07m, dài 58m; giao cho ông Nguyễn Út N phần đất ngang 07m, dài 58m; giao cho ông Nguyễn Văn Hùng phần đất ngang 07m, dài 58m, các phần đất trên toạ lạc tại ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ., nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 612147, tờ bản đồ số 07, thửa đất 227, 228, 229 do cụ Trần Thị Nhen đứng tên.

Phần đất còn lại là thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà Nguyễn Thị Sen, ông Nguyễn Văn Trọng, ông Nguyễn Văn Cường, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thu Vân, ông Nguyễn Văn Tuấn và ông (Nguyễn Út B). Bà Nguyễn Thị Sen, ông Nguyễn Văn Trọng, ông Nguyễn Văn Cường, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thu Vân, ông Nguyễn Văn Tuấn đã giao cho ông phần đất có nhà và công trình kiến trúc của ông S và ông Út N.

Trước đây, mẹ ông cho ông S, ông N mượn đất cất nhà có giấy tờ. Ông đã nhiều lần gặp và thương lượng với ông S, ông Út N yêu cầu 02 ông di dời qua phần đất được phân chia, nhưng ông S, ông N không đồng ý.

Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S di dời nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu ra khỏi phần đất chiều ngang 12m, dài 40m, có vị trí hướng đông giáp đất ông Ril dài 40m, hướng tây giáp phần đất còn lại của ông dài 40m, hướng nam giáp lộ xe U Minh - Khánh Hội dài 12m, hướng bắc giáp phần đất còn lại của ông dài 12m.

Buộc ông Nguyễn Út N di dời nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu ra khỏi phần đất chiều ngang 07m, dài 30m, có vị trí hướng đông giáp đất của ông dài 30m, hướng tây giáp phần đất còn lại của ông dài 30m, hướng nam giáp đất của ông dài 07m, hướng bắc giáp phần đất còn lại của ông dài 07m.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út B, do phần đất ông đang ở được mẹ ông cho trước đây. Đồng thời ông không đồng ý theo nội dung bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã tuyên. Ông yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét lại bản án sơ thẩm và phúc thẩm trên.

Căn nhà của ông được cất theo chương trình nhà tình thương vào năm 2006, trên đất có vợ ông là Đoàn Thị L; 02 người con là Nguyễn Văn V; Nguyễn Kim H cùng con rể là Trang Văn T đang sinh sống.

Bị đơn, ông Nguyễn Út N trình bày: Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út B, do phần đất ông đang ở được mẹ ông cho trước đây. Đồng thời ông không đồng ý theo nội dung bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã tuyên. Hiện nay, ông đang yêu cầu cấp giám đốc thẩm xem xét lại nội dung 02 bản án mà Toà án đã tuyên. Trên phần đất Toà án tuyên ông giao lại cho ông Út B thì ông có cất căn nhà chương trình 167, cất năm nào thì ông không nhớ và hiện nay ông sống một mình, do đã ly hôn với vợ, còn 02 người con đi làm xa.

N*gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày*: Phần đất trên bà được mẹ chồng cho và cất nhà sinh sống đến nay, nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Trang Văn T, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Kim H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Út B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út B đối với ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L, anh Trang Văn T, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Út N.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L, anh Trang Văn T, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Kim H di dời các tài sản trong căn nhà chính diện tích 110,25m^2, các tài sản trong chuồng gà, heo với diện tích 15,68m^2, tháo dỡ, di dời căn nhà thờ cúng có diện tích 12,76m^2 khung cột gỗ địa phương, vách tôn + lá, lợp tôn và di dời, khai thác các cây cối, hoa màu ra khỏi phần đất ông Nguyễn Út B.

Buộc ông Nguyễn Út N di dời tài sản trong căn nhà có diện tích 68,875m^2 và di dời, khai thác các cây cối, hoa màu ra khỏi phần đất ông Nguyễn Út B được, để ông Nguyễn Út B quản lý, sử dụng căn nhà nêu trên.

Buộc ông Nguyễn Út B giao lại cho Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L số tiền 62.547.765 đồng.

Buộc ông Nguyễn Út B giao lại cho ông Nguyễn Út N số tiền 45.307.020 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2023, ông Nguyễn Út N, ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Út N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Huỳnh L tranh luận: Hai căn nhà là thuộc chương trình của Nhà nước. Án sơ thẩm buộc tháo dỡ là không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Nguyên đơn, ông Nguyễn Út B tranh luận: Ông Út N và ông S đã được chia thừa kế. Phần đất còn lại là của ông. Việc mượn đất của ông N, ông S là có giấy tờ nên yêu cầu ông Út N và ông S di dời nhà và công trình kiến trúc ra khỏi đất của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Út N. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Út N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Út B yêu cầu ông Út N, ông S tháo dỡ, di dời công trình kiến trúc trên đất gồm căn nhà 1 diện tích 13,20 m^2, căn nhà 2 diện tích 51,75 m^2, căn nhà 3 diện tích 78,66m^2, căn nhà 4 diện tích 67,70 m^2, chuồng gà diện tích 14, 22 m^2 và chuồng gà diện tích 3,25 m^2 ra khỏi phần đất của ông Út B theo Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD – Đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau.

[2] Bản án dân sự phúc thẩm số 141/2019/DSPT ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện U Minh. Bản án trên có hiệu lực đã phân chia đất thừa kế cho ông Nguyễn Minh Út, ông Nguyễn Út N, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Nguyễn Văn S. Phần đất còn lại là của ông Nguyễn Út B, bà Nguyễn Thị Sen, ông Nguyễn Văn Trọng, ông Nguyễn Văn Cường, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thu Vân, ông Nguyễn Văn Tuấn. Nhà ở và các công trình kiến trên đất mà ông Nguyễn Út N, ông Nguyễn Văn S đang sinh sống và sử dụng là thuộc phần đất còn lại của ông Út B, bà Sen, ông Trọng, ông Cường, bà Nga, bà Vân, ông T.

[3] Tại Biên bản làm việc ngày 08 tháng 01 năm 2024 và ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, các ông bà Nguyễn Văn Trọng,

Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thu Vân, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Sen xác định: Phần đất gắn liền với căn nhà và công trình kiến trúc mà ông Út N, ông S đang sinh sống và sử dụng là phần đất ông Út B được anh em thỏa thuận chia cho ông Út B nên phần tranh chấp không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ các ông, bà. Như vậy, bà Nguyễn Thị Sen, ông Nguyễn Văn Trọng, ông Nguyễn Văn Cường, bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thu Vân, ông Nguyễn Văn Tuấn thống nhất chia ông Út B nên ông Út B có quyền kiện các ông Út N, Nguyễn Văn S và những người có liên quan tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi đất tranh chấp của ông Út B. Tại Biên bản xác minh ngày 15 tháng 3 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh xác định: Căn nhà của ông S được xây dựng năm 2006 theo chương trình đại đoàn kết theo đó nhà nước vận động mọi người góp cây gỗ địa phương và tấm lợp hỗ trợ mọi người cất nhà trong đó có gia đình ông S. Như vậy, căn nhà và các công trình kiến trúc trên đất của ông S là nhà bằng cây gỗ địa phương, mái tôn và lá đã sử dụng từ năm 2006 là được quyền tháo dỡ, di dời. Án sơ thẩm tuyên giao cho ông Út B và ông Út B thanh toán lại cho ông S giá trị căn nhà chính, còn các tài sản khác phải tháo dỡ di dời; ông Út B không kháng cáo và đồng ý với án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm về phần này. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm chỉ xem xét thẩm định đo đạc bằng thước dây nên diện tích không chính xác. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn có yêu cầu đo đạc lại diện tích đất và công trình kiến trúc trên đất nên diện tích các công trình kiến trúc có thay đổi nhưng được các đương sự thống nhất thể hiện tại Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD - Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh theo Bản vẽ này.

[4] Đối với căn nhà ở trên đất của ông Út N, tại Biên bản xác minh ngày 15 tháng 3 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh xác định: Căn nhà của ông Út N thuộc chương trình 167 của Chính phủ, được xây dựng vào năm 2010. Lúc xây dựng, có vay của Ngân hàng Chính sách 6.600.000 đồng. Hiện nay, ông Út N chưa trả nợ xong cho Ngân hàng. Như vậy, căn nhà của ông Út N được Nhà nước xây dựng cho ông Út N ở nên cần giao phần đất gắn liền với căn nhà và phần sân xi măng làm lối đi vào nhà với tổng diện tích đất là 71,87 m^2 cho ông Út N sử dụng và ông Út N có trách nhiệm thanh toán giá trị phần đất sử dụng cho ông Út B. Tại Biên bản làm việc ngày 19 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn và bị đơn xác định giá trị phần đất tranh chấp là 1.000.000 đồng/m^2 nên ông Út N thanh toán cho ông Út B giá trị phần đất là 71,87 m^2 x 1.000.000 đồng = 71.870.000 đồng. Ông Út N được quyền sử dụng phần đất ABFE có diện tích 71,87 m^2. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần này.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Út N. Không chấp nhận kháng cáo của ông S. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[6] Chi phí tố tụng: Ông S, bà Đoàn Thị L trả cho ông Út B chi phí thẩm định, định giá số tiền 3.390.000 đồng.Ông Út N trả cho ông Út B chi phí thẩm

định, định giá số tiền 3.390.000 đồng. Ông Út N, ông S chịu chi phí đo đạc số tiền 5.853.000 đồng (đã thanh toán xong).

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ông Út N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ông Út B không phải chịu án phí. Ông Út B có nộp tạm ứng án phí số tiền 690.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010803 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông S là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Út N không phải chịu án phí; ông Út N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được nhận lại.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Út N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Út B đối với ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L, anh Trang Văn T, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Út N.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L, anh Trang Văn T, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Kim H di dời các tài sản trong căn nhà chính diện tích 110,25m^2; Tháo dỡ các tài sản trong chuồng gà, heo với diện tích 15,68m^2, tháo dỡ, di dời căn nhà có diện tích 12,76m^2 khung cột gỗ địa phương, vách tôn + lá, lợp tôn và di dời, khai thác các cây cối, hoa màu ra khỏi phần đất diện tích 3298,2 m^2.

Buộc ông Nguyễn Út B giao lại cho Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L số tiền 62.547.765 đồng.

Buộc ông Nguyễn Út N thanh toán cho ông Nguyễn Út B số tiền 71.870.000 đồng. Ông Nguyễn Út N được quyền sử dụng phần đất ABFE có diện tích 71,87 m^2.

Ông Nguyễn Út N có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận phần đất diện tích 71,87 m^2 theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD - Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau)

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L trả cho ông Nguyễn Út B chi phí thẩm định, định giá số tiền 3.390.000 đồng.

Ông Nguyễn Út N trả cho ông Nguyễn Út B chi phí thẩm định, định giá số tiền 3.390.000 đồng.

Ông Nguyễn Út N, ông Nguyễn Văn S chịu chi phí đo đạc số tiền 5.853.000 đồng (đã thanh toán xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ông Nguyễn Út N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ông Nguyễn Út B không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Út B có nộp tạm ứng án phí số tiền 690.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010803 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; được nhận lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S được miễn nộp án phí. Ông Nguyễn Út N không phải chịu án phí. Ngày 22/8/2023, ông Út N có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009340 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh; được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung